

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P10+TTC2	7:25	17+5+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
2		TD3+MRM+RC8	7:25	19+0+0	0+0+0		14+6+1	0+0+0	
3		TGTH5+TGTH4+P4	7:25	8+4+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		RC8+TD5+TD1	9:25	0+17+3	0+0+0		1+17+0	0+0+0	chuyen 1 td5-td1
5		P1+BK3+P9	9:25	14+2+4	0+0+0		10+2+4	0+0+0	chuyen 1bk3-p9
6		CTC1+CLO+P2	9:25	0+4+12	0+0+0		1+2+17	0+0+0	
7		RP2+RC5+TD5	11:25	8+11+0	0+0+0		0+12+7	0+0+0	chuyen 4 RP2-RC5
8		BK14+BK4+AMD	11:25	1+16+0	0+0+0		3+4+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người MRM về đi P9

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	TO: P1 - P10 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:20
CAM-1			

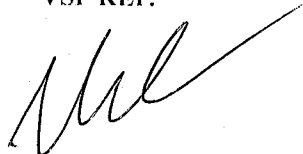
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ANH SƠN	P1	45	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THẮNG	P1	44	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUANG ANH	P1	56	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUY NGHIỆP	P1	46	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM SỸ HIỆP	P1	50	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NAM CUƠNG	P1	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	62	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ HỒNG HẢI	P1	47-48	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	59	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THỌ	P1	52	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ VINH	P1	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU DŨNG	P1	60-61	2	15		86	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	57-58	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	P1	51	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGỌC THANH	P10	52-53	2	14		55	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NĂNG	P10	51	1	3		68	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN NGUYỄN	P10	50	1	7		74	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUƠNG (1972)	P10	55	1	5		64	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN ĐỨC	P10	54	1	11		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	19	108	1.173	0	15		
2	P10	5	6	40	317	0	5		
3	TTC2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	148	1.490	0	22		
WEIGHT KG				148	1.490	0			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

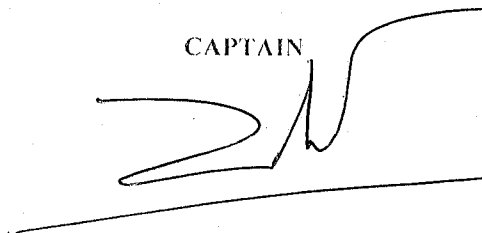
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - MRM - RC8	CREW: VThắng - N.Cường - THỤ	ETA: 09:25
VANG-1			

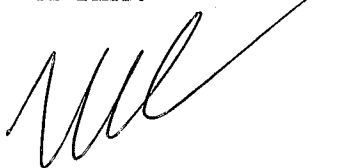
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	39	1	5		123	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	53-54	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO DUY CHÍNH	TD3	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	BUI CÔNG SƠN	TD3	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	51	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	47	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH AI HỮU	TD3	56-57	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN ANH	TD3					92	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	55	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	50	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ QUANG HIỆU	TD3	41	1	12		114	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	46	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	48	1	5		99	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO TIẾN DŨNG	TD3	59	1	7	11	58	DVL	Vietnamese
17	VŨ VĂN THUY	TD3	43-44	2	19	6	70	DVL	Vietnamese
18	ĐINH VĂN LƯU	TD3	40	1	5		52	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHÍNH QUY	TD3	42	1	8		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

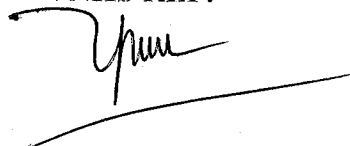
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	20	132	1.479	17	15		
2	MRM	0	0	0	0	0	6		
3	RC8	0	0	0	0	2	1		
TOTAL		19	20	132	1.479	19	22		
WEIGHT KG				132	1.479	19			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

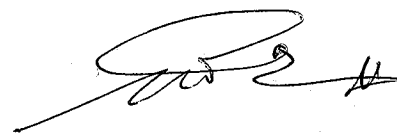
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	TO: TGTH5 - TGTH4 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrường - Thành	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ VĂN KHÔI	TGTH5	35-36	2	10		70	HA VIET/VN	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUÂN	TGTH5	43	1	7	25	60	HA VIET/VN	Vietnamese
3	MAI VĂN THIN	TGTH5	73,38	2	10		70	HA VIET/VN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẬU THÔNG	TGTH5	44	1	10		84	HA VIET/VN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TUẤN	TGTH5	40	1	7		62	HA VIET/VN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LONG	TGTH5	45	1	5		80	HA VIET/VN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN BÌNH	TGTH5	41-42	2	10		64	HA VIET/VN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LÊ	TGTH5	39	1	8		70	HA VIET/VN	Vietnamese
9	DUONG VAN HANH	TGTH4	15-17	3	20		58	HLJOC	Vietnamese
10	TRAN HAI NAM	TGTH4	10-11	2	14	20	60	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH KHA	TGTH4	14	1	8		64	VSP/HLJOC	Vietnamese
12	PHẠM CHI CONG	TGTH4	12-13	2	10		70	VSP/HLJOC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÂM	P4	60	1	7		70	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN TOÀN	P4	55	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	61	1	9		72	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	56	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	54	1	3	15	52	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH THAI	P4	57	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN AI	P4	58-59	2	11		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	63	1	5		52	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUYỀN	P4	62	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	64-65	2	15		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	8	11	67	560	25	0		
2	TGTH4	4	8	52	252	20	0		
3	P4	10	12	72	612	15	22		
TOTAL		22	31	191	1,424	60	22		
WEIGHT KG				191	1,424	60			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: CTC1 - TD5 - TD1	CREW: Linh - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

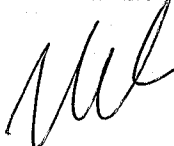
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE QUANG NGHIEP	TD5	84	1	15		71	DMC-MI	Vietnamese
2	VU QUANG	TD5	94	1	10		81	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN NHU Y	TD5	79-80	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH DUY THANH	TD5	88	1	5	100	78	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN SỰ	TD5					85	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HIỂN	TD5	71	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	78	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ XUÂN ANH	TD5	75	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	TD5	73	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỂN	TD5	86	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HIỂU	TD5	87	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ MINH TRINH	TD5	83	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
14	EREMEEV EVGHENHII	TD5	82	1	15		98	KHOAN	Russian
15	LÊ THANH TỰ	TD5	85	1	10		72	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẮC THẮNG	TD5	81	1	4		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	76-77	2	12		78	PSV	Vietnamese
18	LÊ XUÂN THẮNG	TD1	03	1	10	15	82	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HỮU HUNG	TD1	01	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD1	02	1	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	0	0	0	0	0	1		CHUYEN I PAX TD5-TD1
2	TD5	17	17	132	1.284	100	17	+1	
3	TD1	3	3	30	222	15	0		
TOTAL		20	20	162	1.506	115	18		
WEIGHT KG				162	1.506	115			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

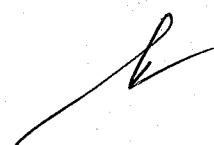
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2023	TO: P1 - BK3 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN DU	P1	29-30	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THAI SƠN	P1	31	1	15	15	68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG BIEN	P1	70	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HỒNG DƯƠNG	P1	69	1	10	15	62	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI NGOC HOANG	P1	33-34	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
6	DO LE SON	P1	39-41	3	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN LAI	P1	35-36	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN SY ANH TU	P1	37	1	15	27	74	XAYLAP	Vietnamese
9	TÀ QUỐC VIỆT	P1	42-43	2	19		62	YTE	Vietnamese
10	TRAN TRUNG KIEN	P1	28	1	3		70	PSV	Vietnamese
11	LÊ HỒNG MINH	P1	27	1	6		71	PSV	Vietnamese
12	VU VAN CHUYEN	P1	26	1	7		70	PSV	Vietnamese
13	PHAN SY HOAN	P1	25	1	5		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	23-24	2	15		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG CUONG	BK3	63	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TUAN	BK3	64	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
17	SADOVNICHENKO	P9	72	1	12		100	KHOAN	Russian
18	VU VAN PHUC	P9	65-66	2	5		54	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUANG	P9	67	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	VÔ VĂN KIẾT	P9	68	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VIET MINH	P9	69-70	2	16		66	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC VIET	P9	71	1	10		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	21	181	948	57	10		CHUYEN PAX BK3-P9
2	BK3	2	2	20	120	0	2	1	
3	P9	6	8	53	405	0	4		
TOTAL		22	31	254	1.473	57	16		
WEIGHT KG				254	1.473	57			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: RC4 - CLO - P2	CREW: CHIẾN - XTrường - Thành	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHƯƠNG VĂN ANH	P2	16-17	2	12	90	81	DICHVU	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	14-15	2	13		63	SOLAR	Vietnamese
3	LÊ XUÂN THĂNG	P2	18	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG NINH	P2					67	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	24	1	5		55	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	P2	22-23	2	16		74	PSV	Vietnamese
7	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P2	25	1	2		56	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	26	1	5		50	PSV	Vietnamese
9	PHAN THANH NAM	P2	19	1	12		70	PSV	Vietnamese
10	HỒ QUỐC VŨ	P2	20	1	7		68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	P2	08	1	5		62	PSV	Vietnamese
12	BUI HUU TRI	P2	21	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	0	0	0	0	20	1		
2	CLO	0	0	0	0	0	2		
3	P2	12	14	85	771	90	17		
TOTAL		12	14	85	771	110	20		
WEIGHT KG				85	771	110			

GRAND TOAL: 966 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: RP2 - RC5 - TD5	CREW: Linh - N.ANH - Huy	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TUÂN ĐẠT	RP2	12	1	14		85	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	RP2	02	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH PHƯƠNG HUNG	RP2				26	73	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC QUY	RP2	06-07	2	19	69	70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THO	RP2	04-05	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	RP2	08-09	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HUYỀN	RP2	13-14	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH THÂN	RC5	29-30	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC MẠNH THẮNG	RC5				23	75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THIÊN	RC5	32-33	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH ĐỨC	RC5	34	1	9		80	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CƯ	RC5				29	68	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VĂN DƯƠNG	RC5	27-28	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC5	24-25	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HẠO	RC5	41-42	2	16		83	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	RC5	26	1	17		93	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUANG	RC5	38-39	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN LAM	RC5	40	1	18		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	10	99	492	95	1+4		CHUYEN 4 PAX RP2-RC5
2	RC5	11	15	148	826	52	12		
3	TD5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		18	25	247	1.318	147	20		
WEIGHT KG				247	1.318	147			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2023	TO: BK14 - BK4 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Tú	ETA: 14:05
NAU-3			

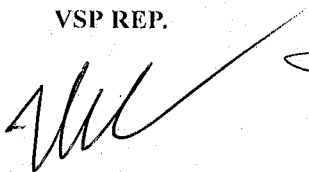
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TIEN	BK14	91	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NINH VAN SON	BK4	63	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
3	LUONG MINH KIEN	BK4	57	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VIET HUNG	BK4	48-49	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DUC DOAI	BK4	54	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
6	TRUONG MINH THANG	BK4	62	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VAN THANG	BK4	67-68	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	BK4	66	1	18		54	XAYLAP	Vietnamese
9	Dinh Duc Thien	BK4	64-65	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN TUAN VIET	BK4	46-47	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN NGOC DANG	BK4	45	1	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese
12	CAO VAN HUYEN	BK4	55	1	17		76	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN TRUONG	BK4	60-61	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN DINH HUNG	BK4	56	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VIET TUAN	BK4	58-59	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
16	VO QUOC TUAN	BK4	52-53	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN TOAN	BK4	50	1	10	18	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

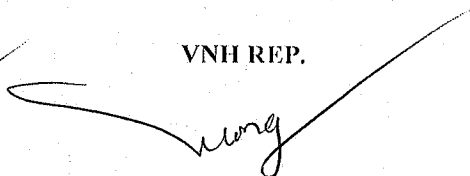
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	11	66	0	3		
2	BK4	16	23	240	1.067	33	4		
3	AMD	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		17	24	251	1.133	33	15		
WEIGHT KG				251	1.133	33			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

